

18/05/2026 - 22/05/2026			Bác Hồ, Trường tiểu học	Trường tiểu học.	1		
	9				35 tuần		

GIÁO VIÊN

TỔ TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG

**DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
(MẪU GIÁO GHÉP 4+5 TUỔI)**

Thời gian (Tháng, từ ngày 08/09/2025 đến ngày 23/05/2026)	S T T	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/ hội	Điều chỉn h bỗ sung
(4 tuần) 08/9/2025 – 3/10/2025 08/09/2025 - 12/09/2025	1	Trường mầm non thân yêu của bé	Trường mầm non của bé	1		
15/09/2025 - 19/09/2025			Một số hoạt động trong trường mầm non.	1		
22/09/2025 - 26/09/2025			Lớp học của bé.	1		
29/09/2025 - 03/10/2025			Đồ dùng, đồ chơi của lớp.	1		
(4 tuần) 6/10/2025 - 31/10/2025 06/10/2025 - 10/10/2025	2	Bản thân	Bé vui tết trung thu .	1	Tết trung thu, Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10	
13/10/2025 - 17/10/2025			Tôi là ai.	1		
20/10/2025 - 24/10/2025			Cơ thể của tôi.	1		
27/10/2025 - 31/10/2025			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh.	1		
(4 tuần) 3/11/2025 - 28/11/2025 03/11/2025 - 07/11/2025	3	Gia đình	Gia đình của bé.	1	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	
10/11/2025 - 14/11/2025			Ngôi nhà của bé.	1		
17/11/2025 - 21/11/2025			Ngày hội của cô giáo .	1		
24/11/2025 - 28/11/2025			Đồ dùng ăn uống trong gia đình.	1		
(4 tuần) 1/12/2025 - 26/12/2025 01/12/2025 - 05/12/2025	4	Nghề nghiệp Nghề nghiệp	Nghề xây dựng.	1	Ngày quân đội nhân dân Việt Nam	
08/12/2025 - 12/12/2025			Nghề y tế.	1		
15/12/2025 - 19/12/2025			Nghề sản xuất .	1		
22/12/2025 - 26/12/2025			Nghề bộ đội, công an.	1		
(4 tuần) 29/12/2025 – 23/01/2026 29/12/2025 – 02/01/2026	5	Thế giới	Động vật nuôi trong gia đình	1	Nghỉ tết dương lịch,	
05/01/2026 - 09/01/2026			Động vật sống trong rừng	1		

		<p>năng năn để tạo thành sản phẩm có bô cục cân đối.</p> <p>Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bô cục cân đối.</p> <p>Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bô cục.</p>			
187	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. 	3,5,7
188	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. 		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn). 	
189	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. 		<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. 	4,6,7, 8,9
190	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Sử dụng các dụng cụ 	

		tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ, cử chỉ.			
183	4	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Biết cách sử dụng các phương tiện nghệ thuật và công cụ khác nhau để thể hiện ý tưởng, cảm xúc của bản thân và giao tiếp với người khác và môi trường xung quanh.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
184	5	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	
185	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. - Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành các bức tranh có màu sắc và bô cục. - Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bô cục.	* 4+5T: - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

		làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	giới tính, nguồn gốc, thành phần dân tộc...) đều có thể tham gia vào hoạt động nghệ thuật theo sở thích của bản thân và tạo ra sản phẩm nghệ thuật (tạo hình, âm nhạc, kịch...) theo cảm nhận của riêng mình, như là một cách để trẻ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của bản thân. Tất cả những người khác đều phải học cách tôn trọng sở thích của nhau.	cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	1, 4, 6, 7, 8
176	5	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt trước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
177	4	- Trẻ chú ý nghe, thích thú(hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	6
178		- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc			5, 8

			<i>thể của mình và của người khác.</i>		
158	4	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	* 4, 5 T: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	- Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	
159		- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- <i>Mọi trẻ trai, trẻ gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến; bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</i>	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lịch sự. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	1, 4, 8
160		- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.			
161	5	- Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			
162		- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			
163		- Trẻ biết chờ đến lượt.			
164	4	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	- <i>Học cách thảo thuận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự dựa trên sự tôn trọng.</i>	- Chờ đến lượt, hợp tác.	
165	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- <i>Cởi mở, tôn trọng, đoàn kết và trách nhiệm.</i>	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8
166		- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp	- <i>Cách thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm</i>		

		- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	
148		- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.			
149					
150		- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	* 4, 5 T: - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.		
151	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước		9
152		- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...).		
153	5		- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
154			- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ		
155					

134	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	* 4, 5 T: - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Sở thích, khả năng của bản thân. - <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính.	2
135		- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	
136	5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ. Địa chỉ nhà hoặc điện thoại	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	2
137		- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	
138	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	2
139		- Trẻ biết mình là con/ cháu/anh/chị/e m trong gia đình	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	
140		- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những công việc vừa sức	- <i>Học cách tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, người khác màu da, tóc, mắt.</i>	- Tên, tuổi, giới tính. Địa chỉ nhà ở hoặc số điện thoại	

			<i>mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ (VD thể hiện bằng ngôn ngữ lời nói: con muôn, con mong được...).</i>		
125	4	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	* 4, 5 T: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	
126		- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“Đọc vẹt”).	+ Hướng viết của các nét chữ đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Giữ gìn, bảo vệ sách.		9
127	5	- Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- “Đọc truyện qua các tranh vẽ”. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.	
128		- Trẻ biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- <i>Làm sách tranh, kể chuyện sáng tạo thể hiện mong muốn về một thế giới hòa bình, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau.</i>		
129	4	- Trẻ nhận ra được kí hiệu thông thường	* 4, 5 T: - Làm quen với một số ký		

		thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	tuổi.		
113	4	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao.....	* 4, 5 T: - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
114	5	- Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, ca dao...			
115	4	- Trẻ kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	* 4, 5 T: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Kể lại truyện đã được nghe .	
116	5	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.		- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9
117	4	- Trẻ bắt chước được giọng nói , điệu bộ của nhân vật trong truyện.	* 4, 5 T: - Đóng kịch.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	5, 7, 8
118	5	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.			
119	4	- Trẻ sử dụng được các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Học cách tuân thủ các quy tắc thể hiện văn hóa trong giao tiếp: Sử dụng đại từ nhân	- Sử dụng các từ biểu thị sự lẽ phép.	
120	5	- Trẻ sử dụng			

		sang bên trái".		
101	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
102	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng" đồ dùng gia đình, (đồ dùng học tập..."). 		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các từ khái quát từ trái nghĩa.
103	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; " Cái gì?"; " Ở đâu"; " Khi nào"; " Đề làm gì?".
104	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. 		<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "tại sao"; " Có gì giống nhau?"; " Có gì khác nhau"; " Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: " Tại sao?"; " Như thế nào?"; " Làm bằng cái gì?".
105	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
106	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ kể rõ ràng có trình tự về sự việc , hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Bắt cứ khi nào có thể, trẻ em cũng được tạo cơ hội để sử dụng và</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.

		<p>khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói "Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới".</p>	<p>của địa phương.</p> <p>- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn.</p> <p>- Giáo viên tạo ra sự đa dạng trong hình mẫu, ví dụ... về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề...của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa, dân tộc khác nhau.</p>	
95	4	<p>- Trẻ kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội.</p>	<p>* 4, 5 T:</p> <p>- Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi;</p>	1, 2, 3, 4, 6, 9
96		<p>- Trẻ kể tên và nói được một vài đặc điểm của cảnh đẹp,</p>		9

			<i>riêng tư) mà không ai được phép xâm phạm.</i>		
83	4	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình. - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.	
84	4	- Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.			3
85	5	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).	
86	5	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại (nếu có)khi được hỏi, trò chuyện.			
87	4	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 4, 5 T: - Các hoạt động của trường.	- Tên địa chỉ của trường lớp.Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài	

		chữ nhật.		khác nhau.	
77	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng được lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. 		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và với bạn khác (Phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phái trái). 	2
78		<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết mô tả sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. 		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. 	8
79		<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng được lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (Phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phái trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. 	2
80	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ gọi đúng tên các thú trong tuần, các mùa trong năm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các thú trong tuần. - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. 	8

c, Khám phá xã hội

81	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói họ và tên, tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> * 4, 5 T: - Địa chỉ gia đình. - <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình</i> - <i>Điều hướng đến bão vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, Tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. 	
82	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói đúng họ và tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i> * 4, 5 T: - Nhu cầu của gia đình. - <i>Sự giống và</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. 	2

		- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	
63	5	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	* 4, 5 T: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe).	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	4, 5, 7
64	4	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	* 4, 5 T: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe).	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	3, 7
65	5	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.			4, 5, 7
66	5	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.			3
67	4	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	* 4, 5 T: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.	
68	5	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu		- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	4, 5, 6

				- Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai. + Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.	
54	4	- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	* 4, 5 T: - Đặc điểm, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1, 9	
55	5	- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.			
b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
56	4	- Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”, “Là số mấy?.....	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,5, 6,7	
57	4	- Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			
58		- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10			

		cốc có những giọt nước dom nước nóng bốc hơi".			
48	4	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn".			
49		- Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.			1, 6, 7
50		- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.		- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	
51	5	- Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			
52	4	- Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	* 4, 5 T: - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng</i>	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Tên gọi. - Đặc điểm. - Quá trình phát triển. - Cách trồng và chăm sóc.	5,6,7

		<p>người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>+ Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>		3, 8, 9
36	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Trẻ biết khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Trẻ biết ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Trẻ biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia 		

		đúng nơi quy định; không nhô bậy ra lớp			
29	4	- Trẻ nhận ra bàn là, nước đang đun, phích nước...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nghịch .	* 4, 5 T: - Nhận biết phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		3, 5
30	5	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật, sắc nhọn.			
31	4	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	* 4, 5 T: Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng.		4,8,9
32	5	- Trẻ biết những nơi như: Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.			
33	4	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và được phòng tránh khi được nhắc nhở: + Trẻ không cười	* 4, 5 T: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm		

		- Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và đê vào nơi quy định. - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội/ giặt nước cho sạch.		
24		- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.		
25	4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn: Ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau..... + Không uống nước lã.	* 4, 5 T: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	
26	5	- Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Trẻ biết mời cô, mời bạn, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.		1, 2
27	4	- Trẻ có một số	* 4, 5 T:	- Nhận biết một số

		cài, cởi cúc, sâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa(phéc mơ tuya).			
--	--	--	--	--	--

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

15	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá....có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin. 	<ul style="list-style-type: none"> * 4, 5 T - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm(trên tháp dinh dưỡng). 	
16	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Trẻ biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt cá.... - Trẻ biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí. - <i>Trẻ nhận ra thói quen tốt trong dinh dưỡng và vận động.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. 	2, 5, 6
17	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, dán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo. 		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. 	5, 6
18	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, 		<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. 	

		<p>trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thăng 18m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng(cao 1,5m xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> + Chạy chậm 100 - 120m. - Bò, trườn, trèo + Bò Theo đường díc dắc 7 điểm. + Trèo lên, xuống 7 gióng thang. + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò băng ban tay, bàn chân 4-5 m. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Tung, ném, bắt + Ném trúng đích băng 2 tay. - Bật, nhảy + Bật nhảy từ trên cao xuống 40- 45 cm. + Bật tách, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15-20cm. 	
11	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thực hiện được các vận động: + Trẻ cuộn - xoay tròn cổ tay. + Trẻ gập, mở các ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng các ngón tay, vê véo vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối - Gập giấy. 	1,5, 6
12	5	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn. 	

		trên đầu khi đi trên ghế thê dục. - Đứng 1 chân và giữ người trong 10 giây.			
5	4	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Trẻ đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	* 4, 5 T: - Đi và chạy + Đi, chạy dích dắc(đổi hướng) theo vật chuẩn.	- Đi và chạy + Đi, chạy dích dắc(đổi hướng) theo vật chuẩn.	2, 3, 8
6	5	- Trẻ kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		- Đi và chạy + Đi bằng mép ngoài bàn chân . + Đi, chạy thay đổi hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. + Đi nối bàn chân tiền, lùi.	
7	4	- Trẻ phối hợp tay – mắt trong vận động: + Trẻ tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Trẻ ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Trẻ tự đậm bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	* 4, 5 T: - Tung, ném, bắt + Tung bắt bóng với người đối diện.	- Tung, ném, bắt + Tung bắt bóng với người đối diện.	1, 2, 3, 6, 8
8	5	- Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:		- Tung, ném, bắt + Tung bắt bóng tại chỗ.	

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026
LỚP MẪU GIÁO GHÉP 4+5 TUỔI

1. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Thực hiện trong chủ đề			
			Chung	Riêng				
1. Lĩnh vực phát triển thể chất								
a, Phát triển vận động								
1	4	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* 4, 5 T: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay + Co và duỗi tay. - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ. <i>- Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.</i>	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Vỗ 2 tay vào nhau(Phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau. - Chân: + Nhún chân. + Đứng, lùn lượt từng chân co cao đầu gối. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiêng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiêng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau, kết hợp giơ tay lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp				
2	5	- Trẻ biết thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.			1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9			